

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ GIA LAI**

Số: 06/BCTN – FGL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

“V/v báo cáo thường niên năm 2024”

Gia lai, ngày 02 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO

Thường niên năm 2024

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: *CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900189678
- Vốn điều lệ: 146.763.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 146.763.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, Phường Thống Nhất, TP Pleiku, Tỉnh Gia lai, Việt Nam
- Số điện thoại: 02693 824654
- Số fax: 02693 822847
- Website: *gialaicoffee.com.vn*
- Mã cổ phiếu: FGL

Quá trình hình thành và phát triển:

- + Công ty Cổ Phần Cà phê Gia Lai được chuyển đổi từ công ty TNHH MTV Cà Phê Gia Lai là tiền thân Công ty Cà phê trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai – Kon Tum được thành lập theo quyết định số 40/QĐ – UB – TC ngày 24/10/1985;
- + Ngày 22/12/1992 đổi tên thành công ty Cà phê Gia Lai tại quyết định số 75/QĐ – UB – TLL của UBND Tỉnh;
- + Ngày 13/8/2010, Quyết định số 548/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân Tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Cà Phê Gia Lai thành Công ty TNHH MTV Cà Phê Gia Lai và điều lệ tổ chức hoạt động Công ty. Công ty đã được Nhà nước, Chính Phủ, các Bộ ban ngành và các tổ chức chính trị ghi nhận, khen tặng nhiều danh hiệu và các giải thưởng.
- + Ngày 13/9/2018 Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai đã được đăng ký kinh doanh và chính thức hoạt động.
- + Ngày 14/9/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cà Phê Gia Lai trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà nội với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 6.481.323 cổ phiếu (Cổ phiếu trúng đấu giá), giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch là 64.813.230.000 đồng;

+ Ngày 19/11/2018 Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam nhận lưu ký số lượng cổ phiếu bổ sung 8.194.977 cổ phiếu (Cổ phiếu các đối tượng khác), giá trị cổ phiếu đăng ký bổ sung 81.949.770.000 đồng:

+ Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là: 14.676.300 cổ phiếu

+ Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký là: 146.763.000.000 đồng.

+ Ngày 30/11/2018 Công ty cổ phần Cà Phê Gia Lai trở thành Công ty Đại chúng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

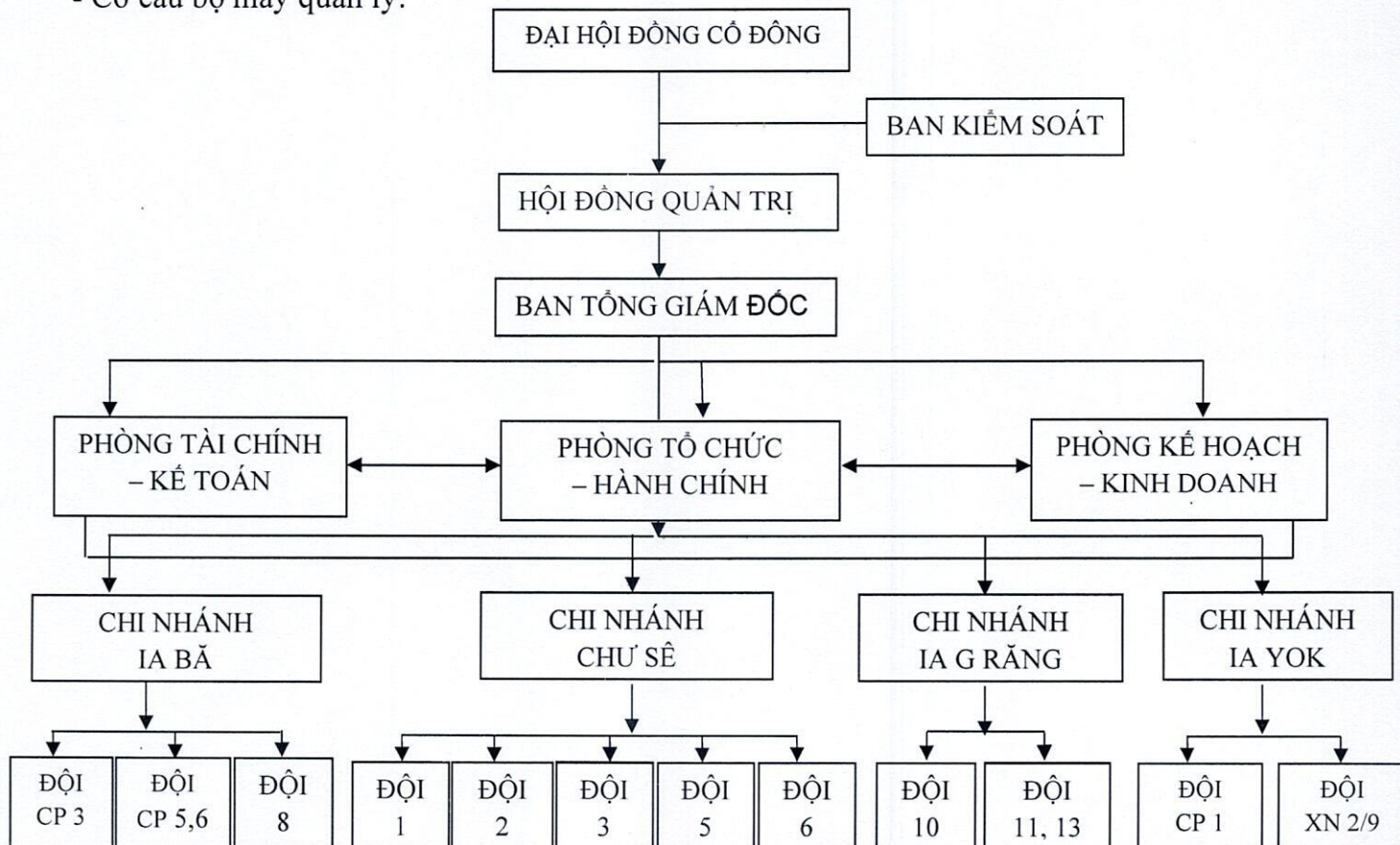
stt	Các ngành nghề	Mã ngành
1	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
2	Trồng cây hàng năm khác	0119
3	Trồng cây Hồ tiêu	0124
4	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống - Chi tiết: mua bán hàng nông sản (từ mùn cao su)	4620
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp	4669
6	Bán mô tô, xe máy	4541
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8	Chăn nuôi khác - Chi tiết: Nuôi ong và sản xuất mật ong	0149
9	Trồng cây cao su	0125
10	Trồng cây cà phê (chính)	0126
11	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: - Chi tiết: Rang lọc cà phê, sản xuất các sản phẩm Cà phê	1079
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các loại cây giống, hạt giống, hàng nông sản các loại	8299
13	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch - Chi tiết: Chế biến nông sản các loại	0163
14	Chăn nuôi Trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, giúp việc cho Tổng giám đốc là các trưởng phòng chức năng và các trưởng chi nhánh đơn vị sản xuất.

Công ty Cổ phần Cà Phê Gia Lai hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, được chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần tư nhân 100%

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



+ Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có quyền lực cao nhất Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát

+ Hội đồng quản trị: là cơ quan đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên:

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| 1. Ông Trịnh Quang Hưng | Chủ tịch hội đồng quản trị |
| 2. Ông Trịnh Đình Trường | Phó Chủ tịch hội đồng quản trị |
| 3. Ông Nguyễn Công Tiến | Thành viên |
| 4. Ông Phùng Ngọc Kim | Thành viên |
| 5. Ông Trịnh Quang Vinh | Thành viên |

+ Ban kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

- | | |
|--------------------------|------------|
| 1. Ông Trần Đông Hưng | Trưởng Ban |
| 2. Bà Bùi Thị Bích Hương | Thành viên |
| 3. Bà Bùi Thị Liễu | Thành viên |

+ Ban Tổng Giám đốc: gồm Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc

* Tổng giám đốc là người đại diện pháp luật của công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và công việc khác thuộc thẩm quyền của Công ty.

* Phó Tổng giám đốc Do hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người giúp việc cho Tổng giám đốc có quyền điều hành và tổ chức công ty khi Tổng giám đốc đi vắng .

Cơ cấu Ban tổng giám đốc gồm:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Nguyễn Công Tiến | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm 26/06/2024) |
| 2. Ông Nguyễn Văn Quân | Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm 26/06/2024) |

+ Kế toán trưởng: Do hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm về tài chính kế toán của công ty: Ông Lê Bá Hiếu Kế toán trưởng (Bổ nhiệm 26/06/2024).

+ Các phòng ban chức năng và các đơn vị trực thuộc

* Phòng tổ chức hành chính: Giúp ban lãnh đạo công ty thực hiện các thủ tục hành chính, theo dõi nhân sự, các chế độ chính sách cho người lao động, tiền lương và các công việc khác liên quan.

* Phòng tài chính – kế toán: Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, tài chính theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

* Phòng Kế hoạch – kinh doanh: Lập và theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng định mức kỹ thuật và phương án khoán lao động.

Lập kế hoạch cung ứng vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu nhằm đáp ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cập nhật báo cáo tiến độ các dự án đầu tư đúng quy định.

* Các chi nhánh gồm 4 chi nhánh:

- + Chi nhánh Chư sê có 5 đội sản xuất (đội 1, 2, 3, 5, 6)
- + Chi nhánh Ia Yok có 2 đội sản xuất (Đội Chư păh 1, Xí nghiệp 2/9)
- + Chi nhánh Ia Bă có 3 đội sản xuất (Đội Chư păh 3, Chư păh 5,6, Đội 8)
- + Chi nhánh Ia Grăng có 3 đội sản xuất (Đội 9, 10 và đội 11)

Các chi nhánh có chức năng giúp Tổng giám đốc trong điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Thường xuyên kiểm tra Ban điều hành trong việc thực hiện các quy chế, quy định nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Điều lệ công ty và quy định của Pháp luật.

+ Chỉ đạo Ban điều hành tập trung cao độ, kiên quyết hơn, bám sát hơn trong việc quản lý sản xuất, quản lý tài chính, quản lý lao động. Tìm mọi biện pháp để không ngừng nâng cao năng suất lao động, đầu tư khoa học công nghệ, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, công nhân.

+ Nâng cao hiệu lực quản lý Doanh nghiệp nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận để đảm bảo lợi ích của Công ty, Nhà nước và cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+ Tiếp tục duy trì ổn định và phát triển sản xuất các vườn cây còn tiềm năng;

+ Đa dạng hóa cây trồng ngắn ngày và khai thác các ngành nghề kinh doanh khác để đảm bảo thu nhập cho dân sinh trên địa bàn công ty sản xuất.

5. Các rủi ro

+ Rủi ro về kinh tế: Trong bối cảnh kinh tế phục hồi còn chậm, nền kinh tế bị Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng lớn từ nền kinh tế thế giới và sẽ gặp phải không ít khó khăn. Tình hình thời tiết khắc nghiệt diễn ra phức tạp. Như vậy các điều kiện khó khăn trên sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

+ Rủi ro về sản phẩm: Sản xuất cà phê mới tách vỏ thành nhân xô, chưa có nhà máy chế biến, cùng lúc có nhiều đơn vị cùng ngành cung cấp sản phẩm cùng loại đã tạo ra tính cạnh tranh cao nên đã tạo ra rủi ro về giá cả.

+ Rủi ro về sản xuất: vườn cà phê đa số là vườn cây lâu năm, xuống cấp, già cỗi, một số vườn không thể phục hồi được nên đã ảnh hưởng tới năng xuất sản lượng cà phê không cao.

+ Rủi ro đầu vào: Sự rủi ro đến từ sự biến động của giá nguyên vật liệu, nhân công ... ngày càng tăng cao làm giá thành cũng tăng

Các rủi ro trên đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2024 và dự kiến sẽ tiếp tục ảnh hưởng trong năm 2025.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2024	GHI CHÚ
1	Doanh thu	11.331.056.127	15.774.627.970	
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	-12.441.876.599	-20.475.052.795	
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-12.441.876.599	-20.475.052.795	

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai bước đầu tiếp nhận đi vào hoạt động từ ngày 13/9/2018. Trong năm 2024 công ty đã gặp không ít khó khăn như:

+ Phần lớn diện tích cà phê tiếp nhận từ Doanh nghiệp cổ phần hóa công ty TNHHMTV Cà phê Gia Lai chuyển giao sang đã già cỗi, không có sản phẩm để thu. Nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh trong tương lai. Trong năm 2024 Công ty đã tiến hành phá dỡ 1 số vườn cây cà phê già cỗi, không đảm bảo sản lượng theo yêu cầu dẫn đến chi phí phá dỡ lớn làm tăng lỗ trong năm 2024.

+ Công tác quản lý và công tác chăm sóc vườn cây của đa số các hộ gia đình nhận khoán còn bảo thủ theo phương thức thủ công và lạc hậu. Nhận thức về chuyển đổi và tổ chức canh tác các loại cây trồng theo mô hình nông nghiệp công nghệ cao rất hạn chế. Từ đó dẫn tới hiệu quả canh tác chưa cao, đặc biệt là công ty rất khó khăn trong việc hợp thửa và áp dụng chuyển đổi các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao.

+ Trong bối cảnh những thuận lợi và khó khăn nêu trên, HĐQT và Ban điều hành đã đề ra những chủ trương giải quyết kịp thời những vướng mắc từ thực tế, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, tập trung mọi nguồn lực, chủ động đề ra nhiều giải pháp thích hợp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã đề ra.

Ban điều hành công ty hiện nay đang tích cực làm việc với các Cơ quan ban ngành liên quan để nhanh chóng giải quyết những vướng mắc giữa Doanh nghiệp Nhà nước và công ty Cổ phần. Đồng thời Ban điều hành cũng đang tích từng bước để tháo gỡ những khó khăn cho Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự.

- Danh sách Ban điều hành.

Tt	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Công Tiến	20/10/1966	040066022738	TV. HĐQT, Tổng giám đốc	
2	Nguyễn Văn Quân	05/06/1985	064085011130	Phó tổng giám đốc	
3	Lê Bá Hiếu	20/03/1992	064092001896	Kế toán trưởng	

TÓM TẮT LÝ LỊCH, QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC, SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU:

1. Ông Nguyễn Công Tiến

Sinh ngày: 20/10/1966

Giới tính: Nam

Quê Quán: Xã Đại Sơn, Đô Lương, Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn 14, xã EaTiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk

Chỗ ở hiện tại: Thôn 14, xã EaTiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk

CCCD số: 040066022738 do cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 08/07/2021

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: TV HĐQT, Tổng giám đốc công ty.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty.

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần .

+ Sở hữu đại diện: không

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

2. Ông Nguyễn Văn Quân

Sinh ngày 05/06/1985

Giới tính: Nam

Nơi sinh: Chư sê

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Vĩnh Hòa, Ninh Giang, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Thôn An Điền, Xã Ia Blang, Huyện Chư sê, Tỉnh Gia Lai.

Số CCCD: 064085011130 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 28/06/2021

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tài chính – Kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó tổng giám đốc công ty

Quá trình công tác

THỜI GIAN	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
Năm 2008 - 2018	Kế toán tổng hợp	Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai
Năm 2019 đến T06/2024	Kế toán trưởng	Công ty Cổ Phần Cà Phê Gia Lai
T06/2024 đến nay	Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ Phần Cà Phê Gia Lai

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty.

+ Sở hữu cá nhân: 147 cổ phần

+ Sở hữu đại diện: không

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

3. Ông Lê Bá Hiếu

Sinh ngày 20/03/1992

Giới tính: Nam

Nơi sinh: Gia Lai

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Thôn 8, xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.

Số CCCD: 064092001896 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 11/04/2021

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tài chính – Ngân hàng

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kế toán trưởng, Trưởng phòng kế toán tài chính công ty

Quá trình công tác

THỜI GIAN	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
Năm 2015-2020	Kế toán tổng hợp	Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai
Năm 2020-T6/2024	Phó phòng Kế toán	Công ty Cổ Phần Cà Phê Gia Lai
T6/2024 đến nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ Phần Cà Phê Gia Lai

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty.

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- + Sở hữu đại diện: không
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

- Số lượng cán bộ, nhân viên và người lao động nhận khoán: Công ty có 244 người trong đó:

- + Cán bộ gián tiếp toàn công ty: 30 người
- + LĐ nhận khoán tại chi nhánh Ia Bă: 44 người
- + LĐ nhận khoán tại chi nhánh Ia Yok: 66 người
- + LĐ nhận khoán tại chi nhánh Ia Grăng: 5 người
- + LĐ nhận khoán tại chi nhánh Chư sê: 99 người

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- + Về tiền lương, các chế độ Bảo hiểm: Công ty trả tiền lương theo đúng quy định của Công ty, các chế độ phụ cấp theo lương, chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ ốm đau, thai sản ... được thực hiện đều đặn trong năm.
- + Về đời sống CBCNV: Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện cho CBCNV, tổ chức hoạt động gặp gỡ giao lưu nhân ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ khi có công nhân đi nhập ngũ, Chi tiền tết Nguyên Đán, Thăm viếng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2024 Công ty đã tổ chức triển khai tái canh trồng mới được 190 ha tại 3 chi nhánh Ia Yok – Ia Bă- Ia Grăng, đầu tư cho việc thi công lắp đặt trạm biến áp, đường điện tại khu 80 ha thuộc đội sản xuất 11 & 13 – Chi nhánh Ia Grăng và thi công việc nạo vét kênh mương tại Chi nhánh Ia Grăng – Ia Bă.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	150.209.252.446	115.799.008.731	
Doanh thu thuần	11.331.056.127	15.774.627.970	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(12.522.266.627)	(10.094.626.346)	

Lợi nhuận khác	80.390.028	(10.380.426.449)	
Lợi nhuận trước thuế	(12.441.876.599)	(-20.475.052.795)	
Lợi nhuận sau thuế	(12.441.876.599)	(-20.475.052.795)	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

b) Các chỉ tiêu tài chính.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	0.74	0.20
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0.74	0.16
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	60	81
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	151	433
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	65	3
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân +Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.08	0.14
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-110	-130
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-21	-94
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-8	-18
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-111	-64

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

+ Số lượng cổ phần đang lưu hành: 14.676.300 cổ phần

- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 14.676.300 cổ phần
- + Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng 3 năm của Nhà đầu tư chiến lược tại Điểm a, khoản 3 điều 6 NĐ 126/2017/NĐ – CP: 0 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng 3 năm của Người lao động mua ưu đãi theo năm công tác tại khoản 1 điều 42 NĐ 126/2017/NĐ – CP: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	176	14.676.300	100	
Cá nhân	174	7.786.972	53,00	
Tổ chức	02	6.889.328	47,00	
Tỷ lệ sở hữu	176	14.676.300	100	
Cổ đông lớn	05	14.157.219	96	
Cổ đông nhỏ	171	519.081	4	

Nguồn dữ liệu thống kê số lượng cổ phần được tập hợp từ danh sách cổ đông sở hữu chứng khoán công ty (Ngày đăng ký cuối cùng 18/03/2025) do trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Vật tư chủ yếu của của cây Cà phê là phân bón và thuốc bảo vệ thực vật được nhập từng kho riêng tại các chi nhánh, cách xa khu dân cư. Công ty đã ban hành quy định sử dụng và thu gom vỏ bao bì chai lọ về nơi chứa rác thải theo sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng chủ yếu dùng trong sản xuất và sinh hoạt là điện năng

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

+ Nước được sử dụng là nguồn nước máy cho sinh hoạt của công ty CP cấp thoát nước Gia Lai

+ Nước sản xuất dùng của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi Gia Lai

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

+ Số lượng lao động gián tiếp: 30 người

+ Mức lương bình quân trong năm: 8.000.000 VNĐ

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

+ Quan tâm thăm hỏi động viên CBNV khi ốm đau, hiếu hỉ ...

+ Chế độ phụ cấp thêm cho người lao động: xăng xe, ĐT...

+ Hàng quý công ty đi kiểm tra an toàn lao động tại các chi nhánh

+ Tiến hành tập huấn PCCC, ATVSLĐ tại công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Liên tục đào tạo nguồn nhân lực để khi cần điều động CBNV nghiệp vụ hoặc lao động sản xuất luân chuyển từ bộ phận này sang bộ phận khác nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh không bị trở ngại.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

+ Chi ủng hộ địa phương làm đường các xã tại các chi nhánh

+ Chi hỗ trợ khai giảng, trung thu cho các cháu

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trong năm 2024 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt so với kế hoạch đề ra là do những nguyên nhân sau:

+ Diện tích cà phê đang trong giai đoạn trồng mới, kiến thiết cơ bản là **219,55 ha** nên chưa có sản phẩm thu.

+ Diện tích người dân chiếm giữ đất đai, vườn cây tại địa bàn huyện Chư Sê là **252,96 ha**, người dân chống đối, không giao nộp sản phẩm khoán cho Công ty.

+ Tại Chi nhánh Ia Grăng phần lớn là người đồng bào DTTS năng lực trong lao động sản xuất còn hạn chế, bên cạnh đó khó khăn về nguồn nước tưới, diện tích vườn cây già cỗi xuống cấp, đất đai bị bạc màu dẫn đến năng suất thấp, không có sản lượng để thu.

+ Do ảnh hưởng thời tiết khô hạn nắng nóng kéo dài, sự biến đổi của khí hậu nên không đủ nguồn nước tưới ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng cây trồng.

+ Giá vật tư phân bón tăng cao ảnh hưởng lớn đến quá trình đầu tư chăm sóc vườn cây do nhu cầu vốn đầu tư tăng cao dẫn đến nhiều hộ gia đình gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Tài sản ngắn hạn	35.404.896.008	14.946.735.832	
Tiền và các khoản tương đương tiền	676.605.283	4.304.624.152	
Các khoản phải thu ngắn hạn	32.702.812.324	5.295.329.276	
Hàng tồn kho	178.001.955	3.523.951.803	
Tài sản ngắn hạn khác	1.847.476.446	1.822.830.601	
2. Tài sản dài hạn	114.804.356.438	100.852.272.899	
Tài sản cố định	111.075.516.744	95.057.515.570	
Tài sản dở dang dài hạn	2.143.157.576	4.517.389.506	
Tài sản dài hạn khác	1.585.682.118	1.277.367.823	
Tổng cộng tài sản	150.209.252.446	115.799.008.731	

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Ghi chú
Nợ ngắn hạn	45.740.653.529	71.314.307.818	
Nợ dài hạn	42.839.801.633	22.750.074.357	
Tổng nợ phải trả	88.580.455.162	94.064.382.175	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Thực hiện điều tiết và cơ cấu lại các phòng ban nghiệp vụ nhằm tinh gọn bộ máy quản lý và nâng cao hiệu quả lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Phát triển quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh tăng dần theo các năm sau.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Công ty giải trình các ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024” của Công ty cụ thể như sau:

Ý kiến thứ nhất, liên quan đến khoản thế chấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đây là tài sản thuộc sở hữu của công ty, được dùng để thế chấp cho khoản vay tại của Công ty CP Chè Biển Hồ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của hai công ty.

Ý kiến thứ hai, liên quan đến xử lý số tiền thuê đất và phạt chậm nộp tại huyện Ia Grai và huyện Chư Sê chưa được ghi nhận đầy đủ vào chi phí hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước là 7.754.365.354 đồng (tiền thuê đất) và 4.020.354.217 đồng (phạt chậm nộp).

- Giai đoạn Công ty cổ phần (năm 2019) là 395.826.472 đồng (tiền thuê đất) và 215.124.770 đồng (phạt chậm nộp).

Đây là khoản tiền thuê đất phát sinh trong giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước, không nằm trong phương án cổ phần hóa, không nằm trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp. Mặt khác, việc Chi cục Thuế tính tiền thuê đất trên cả phần diện tích đất đã được UBND tỉnh giao về cho địa phương quản lý là chưa phù hợp. Vấn đề này Công ty đã làm đơn khởi kiện Cục Trưởng cục thuế Tỉnh Gia Lai và hiện nay Tòa án nhân dân Tỉnh Gia Lai đã thụ lý vụ án này. Theo đó, số liệu này có thể ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán (nếu có) tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

+ Các chỉ số về môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

+ Đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến toàn thể cán bộ, công nhân viên công ty, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bảo vệ môi trường.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Hàng năm công ty đã ủng hộ cho công tác làm mới, sửa chữa đường, trường trạm nhằm tạo môi trường sinh hoạt sạch đẹp.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2024 Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng giám đốc tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT bằng các giải pháp trọng tâm, thực hiện mục tiêu, giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty, tăng cường công tác quản lý, siết chặt kỷ luật lao động, tập trung nâng cao chất lượng vườn cây cà phê, sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu đúng quy trình, quy định sản xuất.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- HĐQT đã thường xuyên chỉ đạo Ban tổng giám đốc trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, và đầu tư; giải quyết kịp thời các công việc phát sinh, đồng thời thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban tổng giám đốc.

- Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên và hoạt động dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT công ty. Trên cơ sở mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị xác định các mục tiêu, phương hướng hoạt động cụ thể, định kỳ tổ chức họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tại công ty.

- Tập trung rà soát quy trình nghiệp vụ đang thực hiện trong toàn công ty, từ đó cập nhật, sửa đổi nhằm thống nhất và phối hợp hoạt động giữa các bộ phận.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

1. Tiếp tục chỉ đạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban Tổng giám đốc.
3. Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo hướng đa dạng hóa sản phẩm.
4. Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, thường xuyên cập nhật số liệu sản xuất, kinh doanh một cách kịp thời nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm đồng thời hỗ trợ Ban Tổng giám đốc ra Quyết định sản xuất hàng ngày.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Tt	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	2.852.802	19,44%	
2	Trịnh Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0	
3	Nguyễn Công Tiến	Thành viên HĐQT	0	0	
4	Phùng Ngọc Kim	Thành viên HĐQT	0	0	
5	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT	1.538.381	10.48%	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động tập thể để bàn bạc thống nhất và quyết định các vấn đề đúng theo Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp

Trong năm 2024, hội đồng quản trị đã tiến hành 12 cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-FGL-HĐQT	04/01/2024	Nghị quyết về việc thực hiện triển khai trồng tái canh cây cà phê tại chi nhánh Ia Bă và Ia Grăng của Công ty cổ phần cà phê Gia Lai.
2	02/NQ-FGL-HĐQT	04/01/2024	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Phó tổng giám đốc công ty cổ phần Cà phê Gia Lai.
3	03/NQ-FGL-HĐQT	04/01/2024	Nghị quyết về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2023-2028.
4	04/NQ-FGL-HĐQT	23/02/2024	Nghị quyết về việc triệu tập họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

5	05/NQ-FGL-HĐQT	27/02/2024	Nghị quyết về việc triệu tập họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
6	06/NQ-FGL-HĐQT	31/03/2024	Nghị quyết về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
7	07/NQ-FGL-HĐQT	26/04/2024	Nghị quyết về việc triệu tập họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
8	08/NQ-FGL-HĐQT	26/06/2024	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
9	09/NQ-FGL-HĐQT	26/06/2024	Nghị quyết về việc miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cà phê Gia Lai nhiệm kỳ 2023-2028.
10	10/NQ-FGL-HĐQT	26/06/2024	Nghị quyết về việc bầu Phó chủ tịch Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cà phê Gia Lai nhiệm kỳ 2023-2028.
11	11/NQ-FGL-HĐQT	26/06/2024	Nghị quyết về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng công ty cổ phần Cà phê Gia Lai nhiệm kỳ 2023-2028.
12	12/NQ-FGL-HĐQT	18/09/2024	Nghị quyết về việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 8 tháng đầu năm 2024 và triển khai chủ trương, nhiệm vụ SXKD 4 tháng cuối năm 2024 của Công ty cổ phần Cà phê Gia Lai.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Tt	Họ tên	Chức danh	Chứng chỉ đào tạo	Ghi chú
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	Kỹ thuật xây dựng	
2	Trịnh Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT	Cử nhân kinh tế - QTKD	
3	Nguyễn Công Tiến	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	
4	Phùng Ngọc Kim	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	
5	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT		

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

Stt	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Trần Đông Hưng	Trưởng BKS	0	0	
2	Bùi Thị Bích Hương	Thành viên	0	0	
3	Bùi Thị Liễu	Thành viên	0	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát các hoạt động quản lý điều hành Công ty, việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.

Tham gia tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024, việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành.

Tham dự các phiên họp của HĐQT, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.

Thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình kinh doanh, sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

Xem xét việc tuân thủ, chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn trong kinh doanh, phân tích các kế hoạch và rủi ro tiềm ẩn trong môi trường kinh doanh. Kiểm soát việc tuân thủ, chấp hành các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

+ Lương Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

Stt	Họ tên	Chức danh	Thực hiện năm 2024	Ghi chú
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	327.541.500	
2	Nguyễn Công Tiến	TGD kiêm TV HĐQT	327.073.478	
3	Nguyễn Văn Quân	Phó TGD	196.600.000	
4	Bùi Thị Bích Hương	Thành viên BKS	90.000.000	
5	Lê Bá Hiếu	Kế toán trưởng	147.525.000	
6	Phạm Văn Cường	Nguyên P. TGD	36.000.000	
	TỔNG CỘNG		1.124.739.978	

